

THÔNG BÁO

Điểm chuẩn Tuyển sinh lớp 10 Trung học phổ thông năm học 2026-2027

Căn cứ Công văn số 5109/UBND-KGVX ngày 08/6/2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt điểm chuẩn tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông (THPT) năm học 2026-2027, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thông báo điểm chuẩn tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập năm học 2026-2027, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc xét trúng tuyển

- a) Thông tin đăng ký dự tuyển hợp lệ, đúng quy định.
- b) Xét trúng tuyển theo từng trường riêng biệt, từng lớp chuyên riêng biệt (đối với trường THPT chuyên), lớp Tiếng Nhật (môn Ngoại ngữ 1 đối với Trường THPT Phan Châu Trinh, Trường THPT Hoàng Hoa Thám), lớp Tiếng Pháp (môn Ngoại ngữ 1 đối với Trường THPT Phan Châu Trinh, Trường THPT Nguyễn Hiền).
- c) Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh dự thi đầy đủ các môn thi theo quy định.
- d) Thí sinh có điểm bài thi đạt mức điểm tối thiểu như sau:
 - Đối với trường THPT công lập: không có bài thi nào bị điểm 0 (không);
 - Đối với trường THPT chuyên: mỗi bài thi môn chung đạt từ 2,0 điểm trở lên, bài thi môn chuyên đạt từ 3,0 điểm trở lên;
 - Đối với Trường PTDTNT THPT Quảng Nam: mỗi bài thi đạt từ 1,0 điểm trở lên.
- đ) Điểm chuẩn nguyện vọng (NV) 1 và NV2 của mỗi trường THPT công lập (đại trà), mỗi môn chuyên (đối với mỗi trường THPT chuyên) là bằng nhau. Thí sinh đã trúng tuyển NV1 thì không xét NV2 (nếu có).
- e) Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu (chỉ tiêu bao gồm cả số thí sinh thuộc đối tượng tuyển thẳng). Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau thì xét chọn trúng tuyển theo các tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau:
 - (i) Đối với trường THPT công lập: xét chọn thí sinh trúng tuyển nếu đảm bảo đủ điểm chuẩn theo quy định.
 - (ii) Đối với trường THPT chuyên:
 - Thí sinh có điểm thi môn chuyên cao hơn;
 - Thí sinh có điểm trung bình của môn chuyên ĐKDT cả năm lớp 9 cao hơn. Riêng thí sinh ĐKDT chuyên Tin học, nếu không học môn Tin học ở năm lớp 9 thì lấy điểm trung bình cả năm lớp 9 của môn Toán;

- Thí sinh đạt giải cao hơn trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố năm học 2025-2026 (dành cho học sinh lớp 9) do Sở GDĐT tổ chức;

- Thí sinh có điểm trung bình cộng tất cả điểm trung bình cả năm của các môn học được đánh giá bằng điểm số cao hơn lần lượt ở lớp 9, lớp 8, lớp 7, lớp 6.

- Trong trường hợp xét đến tiêu chí ưu tiên cuối cùng mà vẫn còn nhiều hơn một thí sinh bằng nhau ở tất cả tiêu chí ưu tiên thì xét trúng tuyển với số lượng đảm bảo mỗi lớp chuyên có không quá 35 học sinh.

(iii) Đối với Trường PTDTNT THPT Quảng Nam:

- Thí sinh đạt giải cao hơn trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố năm học 2025-2026 (dành cho học sinh lớp 9) do Sở GDĐT tổ chức;

- Thí sinh có đánh giá kết quả học tập cả năm cao hơn lần lượt ở lớp 9, lớp 8, lớp 7, lớp 6;

- Thí sinh có điểm trung bình cộng tất cả điểm trung bình cả năm của các môn học được đánh giá bằng điểm số cao hơn lần lượt ở lớp 9, lớp 8, lớp 7, lớp 6.

- Trong trường hợp xét đến tiêu chí ưu tiên cuối cùng mà vẫn còn nhiều hơn một thí sinh bằng nhau ở tất cả tiêu chí ưu tiên thì xét trúng tuyển với số lượng đảm bảo mỗi lớp chuyên có không quá 35 học sinh.

2. Thứ tự xét trúng tuyển

a) Xét trúng tuyển vào lớp chuyên của các trường THPT chuyên (nếu có ĐKDT) theo thứ tự xét trúng tuyển: NV1, NV2;


b) Xét trúng tuyển vào Trường PTDTNT THPT Quảng Nam (nếu có ĐKDT) theo thứ tự xét trúng tuyển: tuyển thẳng, thi tuyển;

c) Xét các trường hợp đề nghị tuyển thẳng vào trường THPT công lập (đại trà);

d) Xét trúng tuyển vào lớp có môn Ngoại ngữ 1 là Tiếng Nhật, Tiếng Pháp đối với các trường THPT công lập (nếu có ĐKDT);

đ) Xét trúng tuyển vào các trường THPT công lập (đại trà) theo thứ tự xét trúng tuyển: NV1, NV2.

3. Điểm chuẩn

Theo các phụ lục đính kèm./. 

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các trường, trung tâm trực thuộc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLCL.



Lê Thị Bích Thuận

Phụ lục 1

**ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027
CỦA CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

(Kèm theo Thông báo số 2702/TB-SGDĐT ngày 08/6/2026 của Sở GDĐT)



STT	Lớp chuyên	THPT chuyên Lê Quý Đôn	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	THPT chuyên Lê Thánh Tông
1	Chuyên Hóa	47,14	37,25	36,00
2	Chuyên Lịch sử	41,25	34,50	34,14
3	Chuyên Ngữ văn	44,00 ⁽¹⁾	39,25	40,25
4	Chuyên Sinh học	46,50	38,25	39,50
5	Chuyên Tiếng Anh	42,95	38,05	39,55
6	Chuyên Tiếng Nhật	43,68		
7	Chuyên Tiếng Pháp	41,50		
8	Chuyên Tin học	39,00	25,35	31,48
9	Chuyên Toán	43,75	37,00	38,50 ⁽²⁾
10	Chuyên Vật lí	43,39	38,25	37,75
11	Chuyên Địa lí	44,64	37,64	35,50

Ghi chú:

(1): Điểm chuẩn của lớp chuyên Ngữ văn, Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn xét thêm tiêu chí phụ: Điểm thi môn chuyên đạt từ 5,75 trở lên và đạt giải Khuyến khích trở lên trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố năm học 2025-2026.

(2): Điểm chuẩn của lớp chuyên Toán, Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông xét thêm tiêu chí phụ: Điểm trung bình cộng tất cả điểm trung bình cả năm của các môn học được đánh giá bằng điểm số ở lớp 9 đạt từ 9,86 trở lên./.

Phụ lục 2

**ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027
CỦA TRƯỜNG PTDTNT THPT QUẢNG NAM**

(Kèm theo Thông báo số 2702/TB-SGDĐT ngày 08/6/2026 của Sở GDĐT)



STT	Đối tượng thí sinh	Điểm chuẩn
1	Người dân tộc Kinh	19,75
2	Người dân tộc thiểu số	14,25

Phụ lục 3

**ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027
CÁC LỚP TIẾNG PHÁP, TIẾNG NHẬT CỦA CÁC TRƯỜNG THPT**

(Kèm theo Thông báo số 2702/TB-SGDĐT ngày 08/6/2026 của Sở GDĐT)

STT	Lớp - Trường	Điểm chuẩn
1	Tiếng Nhật - THPT Phan Châu Trinh	27,50
2	Tiếng Pháp - THPT Phan Châu Trinh	32,13
3	Tiếng Pháp - THPT Nguyễn Hiền	13,38
4	Tiếng Nhật - THPT Hoàng Hoa Thám	16,00

62

Phụ lục 4

**ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027
CỦA CÁC TRƯỜNG THPT CÔNG LẬP**

(Kèm theo Thông báo số 2702/TB-SGDĐT ngày 08/6/2026 của Sở GDĐT)



TT	Trường	Điểm chuẩn
1	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	32,50
2	THPT Âu Cơ	8,00
3	THPT Bắc Trà My	11,00
4	THPT Cẩm Lệ	25,00
5	THPT Cao Bá Quát	10,25
6	THPT Chu Văn An	12,25
7	THPT Đỗ Đăng Tuyển	11,75
8	THPT Duy Tân	9,00
9	THPT Hiệp Đức	14,50
10	THPT Hồ Nghinh	22,50
11	THPT Hòa Vang	33,75
12	THPT Hoàng Diệu	18,75
13	THPT Hoàng Hoa Thám	33,25
14	THPT Hùng Vương	12,75
15	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	12,75
16	THPT Huỳnh Thúc Kháng	8,75
17	THPT Khâm Đức	11,50
18	THPT Lê Hồng Phong	13,50
19	THPT Lê Quý Đôn	21,75
20	THPT Liên Chiểu	23,00
21	THPT Lương Thế Vinh	18,25
22	THPT Lương Thúc Kỳ	17,50
23	THPT Lý Tự Trọng	10,75
24	THPT Nam Trà My	7,75
25	THPT Ngô Quyền	24,00
26	THPT Ngũ Hành Sơn	24,00
27	THPT Nguyễn Dục	7,50
28	THPT Nguyễn Duy Hiệu	20,00
29	THPT Nguyễn Hiền	26,50
30	THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	10,75
31	THPT Nguyễn Huệ	13,50
32	THPT Nguyễn Khuyến	19,00
33	THPT Nguyễn Thái Bình	10,25
34	THPT Nguyễn Thượng Hiền	26,00
35	THPT Nguyễn Trãi	29,00

TT	Trường	Điểm chuẩn
36	THPT Nguyễn Trãi - Hội An	20,25
37	THPT Nguyễn Văn Cừ	9,00
38	THPT Nguyễn Văn Thoại	29,25
39	THPT Nguyễn Văn Trỗi	9,00
40	THPT Nông Sơn	10,00
41	THPT Núi Thành	16,00
42	THPT Ông Ích Khiêm	20,75
43	THPT Phạm Phú Thứ	22,50
44	THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	16,75
45	THPT Phan Bội Châu	16,75
46	THPT Phan Châu Trinh	35,50
47	THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	8,50
48	THPT Phan Thành Tài	22,50
49	THPT Quang Trung - Đông Giang	8,50
50	THPT Quế Sơn	8,75
51	THPT Sào Nam	9,00
52	THPT Sơn Trà	27,00
53	THPT Tây Giang	9,25
54	THPT Thái Phiên	31,00
55	THPT Thái Phiên - Thăng Bình	9,25
56	THPT Thanh Khê	26,75
57	THPT Tiểu La	8,00
58	THPT Tổ Hữu	11,00
59	THPT Tôn Thất Tùng	20,75
60	THPT Trần Cao Vân	29,50
61	THPT Trần Đại Nghĩa	8,25
62	THPT Trần Hưng Đạo	20,25
63	THPT Trần Phú	31,75
64	THPT Trần Phú - Việt An	9,50
65	THPT Trần Quý Cáp	25,25
66	THPT Trần Văn Dư	15,75
67	THPT Võ Chí Công	21,75
68	THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	9,75
69	THPT Võ Nguyên Giáp	14,00

Danh sách này có 69 trường./.